

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 3994/QĐ/ĐHĐN ngày 22 tháng 11 năm 2019
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)*

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Điều dưỡng**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Điều dưỡng**
Mã số : **7720301**
Hình thức đào tạo : **Chính quy**
Thời gian đào tạo : **04 năm**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực điều dưỡng ở trình độ đại học; có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, phối hợp và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Người Điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, lấy người bệnh và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Người Điều dưỡng phải có kỹ năng thực hiện các hoạt động chuyên môn liên quan đến nhận định vấn đề sức khỏe và nhu cầu chăm sóc, từ đó phân tích và giải quyết vấn đề dựa trên y học bằng chứng và giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

- Người Điều dưỡng phải có tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức, pháp lý, tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng và có ý thức phát triển nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)

TT	Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
I. Kiến thức		
1	CĐR01	Vận dụng được kiến thức về giải phẫu và chức năng của các bộ phận trong cơ thể người trong trạng thái bình thường và bệnh lý để nhận định tình trạng sức khỏe của mỗi cá nhân.
2	CĐR02	Phân tích sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, giải thích được hiệu quả của các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.
3	CĐR03	Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý, học thuyết cơ bản trong lĩnh vực chăm sóc, phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và nghiên cứu khoa học.
4	CĐR04	Hiểu được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
II. Kỹ năng		
5	CĐR05	Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, đảm bảo chăm sóc người bệnh an toàn, hiệu quả và liên tục.
6	CĐR06	Phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề sức khỏe, nhu cầu chăm sóc và sử dụng quy trình điều dưỡng để giải quyết những vấn đề.
7	CĐR07	Có kỹ năng lực phán đoán, tư duy và ra quyết định chăm sóc người bệnh kịp thời và chính xác trong trường hợp sơ cứu, cấp cứu, tình huống khẩn cấp.
8	CĐR08	Có khả năng quản lý công việc, điều phối các hoạt động chăm sóc trong nhóm hiệu quả và tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
9	CĐR09	Áp dụng được y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.
10	CĐR10	Tạo dựng niềm tin, mối quan hệ, giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc và tổ chức tư vấn giáo dục sức khỏe.
11	CĐR11	Tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc và khoa học sức khỏe, ứng dụng bằng chứng khoa học để nâng cao chất lượng chăm sóc.
12	CĐR12	Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sống.
13	CĐR13	Ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong thực hành nghề nghiệp
III. Thái độ		
14	CĐR14	Hành nghề phù hợp với chuyên môn theo quy định pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
15	CDR15	Hết lòng phục vụ người bệnh, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
16	CDR16	Tôn trọng và hợp tác chân thành với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
17	CDR17	Khiêm tốn, không ngừng học hỏi và học tập suốt đời.
IV. Kỹ năng bổ trợ bắt buộc		
18	CDR18	Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 (Khung>NNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc tương đương.
19	CDR19	Đạt trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông).
20	CDR20	Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh
21	CDR21	Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất
Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: - Điều dưỡng viên tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước. - Cán bộ hướng dẫn thực hành, giảng viên tại các cơ sở đào tạo Điều dưỡng. - Làm việc tại các trung tâm, cơ quan quản lý nhà nước về y tế.		
Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường - Thạc sĩ, Tiến sĩ Điều dưỡng và các chuyên ngành thuộc khoa học sức khỏe. - Điều dưỡng chuyên khoa, chuyên khoa I, chuyên khoa II.		

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 142 tín chỉ

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:	38*
	Các học phần chung	23
	Kiến thức cơ sở khối ngành	15
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp , trong đó:	94
	Kiến thức cơ sở ngành	31
	Kiến thức chuyên ngành	63
3	Thực tế tốt nghiệp	4
4	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn	6
	Tổng cộng	142

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

- Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Khoa Y Dược ban hành theo Quyết định số 3412/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 14/10/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm đánh giá bộ phận (bài tập, giữa kỳ, chuyên cần...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân;

- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần, được tính theo trọng số quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức bắt buộc

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Phân bố tín chỉ		Học phần tiên quyết
				LT	TH	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			38*	37	1	
	1.1. Kiến thức chung		23*	22	1	
1	PHI0001	Triết học Mác - Lênin	3	3		
2	POL0002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		
3	HCM0003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	HIS0004	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		
5	SOC0005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
6	LAW0006	Pháp luật đại cương	2	2		
7	ENG0007	Anh văn 1	3	3		
8	ENG0008	Anh văn 2	4	4		ENG0007
9	INT0009	Tin học	3	2	1	
10	GEN0017, 18,19,20	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)	4		4	
11	GEN0021	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4			
	1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành		15	15	0	
12	ENG4001	Anh văn chuyên ngành	3	3		ENG0008
13	STA0014	Thống kê y học	2	2		
14	CHE4002	Hóa học	2	2		
15	BIG4003	Sinh học và Di truyền	2	2		
16	BIP0013	Lý sinh	2	2		
17	MET0010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		
18	ETH0015	Tâm lý y học - Y đức	2	2		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			94	47	47	
	2.1. Kiến thức cơ sở của ngành		31	20	11	
19	ANA4002	Giải phẫu	3	2	1	

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Phân bố tín chỉ		Học phần tiên quyết
				LT	TH	
20	EMB4003	Mô phôi	2	1	1	
21	PHY4004	Sinh lý	3	2	1	
22	BIC4005	Hóa sinh	3	2	1	
23	MIC4006	Vi sinh	2	1	1	
24	PAR4007	Ký sinh trùng	2	1	1	
25	PPI4008	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1	PHY4004
26	PHA4009	Dược lý	3	2	1	BIC4005, PHY4004
27	HEA4010	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	1		
28	NUT4011	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	1	
29	HEA4012	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1	
30	EPI4013	Dịch tễ học	2	1	1	STA0014
31	OMH4014	Tổ chức và quản lý y tế	2	2		HEA4010, ETH0015
2.2. Kiến thức chuyên ngành			63	27	36	
32	TRM4015	Y học cổ truyền	2	1	1	NUR4019
33	NUR4016	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1	
34	NUR4017	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1	
35	NUR4018	Điều dưỡng cơ sở 1	5	2	3	
36	NUR4019	Điều dưỡng cơ sở 2	5	2	3	NUR4018
37	NUR4020	Điều dưỡng cơ sở 3 (Thực tập Bệnh viện)	2	0	2	
38	NUR4021	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1	
39	NAI4022	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	2		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
40	NAI4023	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
41	NAI4024	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	2		NAI4022, NAI4023
42	NAI4025	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	3		3	NAI4022, NAI4023
43	NAS4026	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	2		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
44	NAS4027	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Phân bố tín chỉ		Học phần tiên quyết
				LT	TH	
45	NAS4028	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	2		NAS4026, NAS4027
46	NAS4029	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	3		3	NAS4026, NAS4027
47	NUI4030	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1	1		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
48	NUI4031	Thực hành chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
49	NOP4032	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	1		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
50	NOP4033	Thực hành chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1		1	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
51	NID4034	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	1	1		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
52	NID4035	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
53	NWF4036	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng	2	2		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
54	NWF4037	Thực hành sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
55	NCH4038	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	2		NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
56	NCH4039	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2		2	NUR4016, NUR4017, NUR4019, NUR4021
57	NPS4040	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	1		NUR4019
58	NPS4041	Thực hành chăm sóc sức khỏe tâm thần	1		1	NUR4019
59	NRE4042	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	1	1		NUR4019
60	NRE4043	Thực hành chăm sóc cho người cần	1		1	NUR4019

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Phân bố tín chỉ		Học phần tiên quyết
				LT	TH	
		được phục hồi chức năng				
61	NPH4044	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	1		NAI4024, NAS4028,
62	NPH4045	Thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2		2	NAI4024, NAS4028,
63	NMA4046	Quản lý điều dưỡng	2	1	1	ETH0015, NUR4019
3. Tốt nghiệp			10	6	4	
64	PRA4050	Thực tế tốt nghiệp	4		4	
65	THE4051	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn	6	6		
TỔNG CỘNG			142	90	52	

7.2. Kiến thức tự chọn/thay thế: 06 tín chỉ

Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong số các học phần sau:

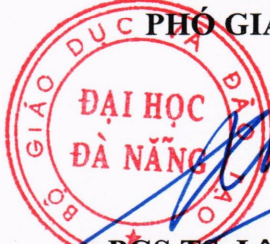
TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Phân bố tín chỉ		Học phần tiên quyết
				LT	TH	
1	NAI4047	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa nâng cao	2	1	1	NAI4024, NAI4025
2	NAS4048	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa nâng cao	2	1	1	NAS4028, NAS4029
3	NWF4049	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng nâng cao	2	1	1	NWF4036, NWF4037
4	NUC4050	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	2	1	1	NCH4038, NCH4039
5	NOP4051	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nâng cao	2	1	1	NOP4032, NOP4033
6	NUI4052	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao	2	1	1	NUI4030, NUI4031
7	NID4053	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm nâng cao	2	1	1	NID4034, NID4035
8	NCA4054	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ung thư	2	1	1	NUR4019
9	NOP4055	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt	2	1	1	NUR4019
10	NOR4056	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Tai mũi họng	2	1	1	NUR4019
11	NOM4057	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Răng hàm mặt	2	1	1	NUR4019
12	NDE4058	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Da liễu	2	1	1	NUR4019
13	JAP4059	Tiếng Nhật	2	2	0	

8. Hướng dẫn thực hiện

- Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Khoa;

- Các học phần được giảng dạy theo phân công của Bộ môn và theo đề cương chi tiết thống nhất;

- Tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế, quy định hiện hành của Đại học Đà Nẵng và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Thành Bắc

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG